

THÀNH HOÀNG

Bùi Thụy Đào Nguyên



Đình Bình
Thủy, Cần Thơ

Thành hoàng (城隍) là vị thần được tôn thờ chính trong đình làng Việt Nam. Vị thần

này dù có hay không có họ tên và lai lịch, dù xuất thân bất kỳ từ tầng lớp nào, thì cũng là chủ tể trên cõi thiêng của làng và đều mang tính chất chung là "hộ quốc tỳ dân" (*hộ nước giúp dân*) ở ngay địa phương đó.

1. Tên gọi

Thành hoàng xuất phát từ chữ Hán: *Thành* là cái thành, *hoàng* là cái hào bao quanh cái thành; và khi ghép chung lại thành một từ dùng để chỉ vị thần coi giữ, bảo trợ cho cái thành. Nhà văn Sơn Nam cho biết thêm: *Ông thần ở đình làng gọi là thần Thành hoàng, cai quản khu vực trong khung thành. Thoạt tiên là thần ngự trị nơi thị tứ, sau áp dụng (cả) nơi thôn xóm, (vì) vẫn có điểm canh bố trí bao quanh...*

Cũng theo Sơn Nam, thần Thành hoàng, theo thông lệ, thờ thần đàn ông, vì khí Dương đem sức mạnh cho muôn loài, muôn vật. Và gọi *Thần hoàng* là sai nghĩa, vì cái tên này chỉ là thứ nghi lễ *đốt tờ giấy vàng*[1], tức bản sao sắc phong do nhà vua tặng cho cha mẹ, ông bà đã qua đời của quan chức cao cấp thời phong kiến; và tục này ở trong Nam Bộ không có.

Bởi vậy, khi trích lại đoạn viết về tục "thờ thần" ở trong sách *Việt Nam phong tục* của Phan Kế Bính, nhà văn Sơn Nam đã sửa từ "Thần hoàng" ra "Thành hoàng" cốt để người đọc không còn lầm lẫn giữa hai thứ. Tuy nhiên, xét trong sách *Việt Nam phong tục*, lễ *Thần hoàng* được xếp vào mục *Phong tục trong gia tộc*; còn việc thờ phụng *Thần hoàng* được xếp vào mục

Phong tục hương đảng, thì rõ là tác giả sách đã chỉ ra đó là hai thứ khác nhau.

Điểm đáng chú ý khác nữa, vì là vùng đất mới, nên ở Nam Bộ nhiều đình làng, thần chỉ có tên là **Bổn cảnh Thành hoàng** hay **Thành hoàng Bổn cảnh** (神隍本境). Theo sách *Minh Mạng chính yếu*, quyển thứ 12, năm Minh Mạng thứ 20 (1839), thì nhà vua đã chuẩn y lời tâu của Bộ Lễ xin hạ lệnh cho các địa phương lập thêm thần vị *Bổn cảnh*. Đây là chức vụ mới, lúc trước không phổ biến. Lê Phục Thiện, người dịch sách trên chú giải: *Thành hoàng* là vị thần coi một khu vực nào. *Bổn cảnh* là cõi đất nơi mình được thờ. Nhà văn Sơn Nam cho biết bởi đây là dạng viên chức được vua ủy quyền trừu tượng, trong rất nhiều trường hợp, không phải là con người lịch sử bằng xương bằng thịt. Do vậy, đa phần không có tượng mà chỉ thờ một chữ "thần" (神) và thường cũng chỉ có mỹ hiệu chung chung là "Quảng hậu, chính trực, đôn ngưng" (tức *rộng rãi, ngay thẳng, tích tụ*). [2],

2. Nguồn gốc

Bên trong
Đình Mỹ
Phước, Long
Xuyên



Sách Việt
Nam phong
tục chép:

Xét về cái tục thờ Thần hoàng (hiểu là thần Thành hoàng) này từ trước đời Tam Quốc (Trung Quốc) trở về trước vẫn đã có, nhưng ngày xưa thì nhà vua nhân có việc cầu đảo gì mới thiết đàn cúng tế mà thôi. Đến đời nhà Đường, Lý Đức Dụ làm tướng, mới bắt đầu lập miếu Thần hoàng ở Thành Đô; kể đến nhà Tống, nhà Minh, thiên hạ đâu đâu cũng có lập miếu thờ.

Nước ta thuở bấy giờ đang lúc nội thuộc, tục Tàu truyền sang đến bên này, kể đến Đinh, Lê thì việc thờ quỷ thần đã thịnh hành rồi.

Nhưng cứ xét cái chủ ý lúc trước, thì mỗi phương có danh sơn (ngọn núi có tiếng), đại xuyên (sông lớn); triều đình lập miếu thờ thần sơn xuyên (núi sông) ấy để làm chủ tế (người đứng đầu) cho việc ẩm tế một phương thôi. Kế sau, triều đình tinh biểu (làm cho thấy rõ công trạng, tiết tháo) những bậc trung thần nghĩa sĩ và những người có công lao với nước, thì cũng lập đền cho dân xã ở gần đầu thờ đấy. Từ đó dân gian lần lần bắt chước nhau, chỗ nào cũng phải thờ một vị để làm chủ tế trong làng mình... Dân ta tin rằng: Đất có Thổ công, sông có Hà bá; cảnh thổ nào phải có Thần hoàng ấy; vậy phải thờ phụng để thần ủng hộ cho dân, vì thế mỗi ngày việc thờ thần một thịnh...

Còn ở trong văn học Việt, theo các nhà nghiên cứu, thì việc thờ Thần hoàng được đề cập lần đầu tiên ở bài *Chuyện thần Tô Lịch* trong sách Việt điện u linh:

Thời Đường Mục Tông, niên hiệu Trường Khánh thứ 2 (năm 822) tên Đô hộ Lý Nguyên Hỷ (hoặc Gia) thấy ngoài cửa bắc thành Long Biên có một dòng nước chảy ngược mà địa thế khả quan, mới tìm khắp, chọn một nơi cao ráo tốt, để có dòi phủ lý đến đó... Nhân dịp ấy, y mới giết trâu đặt rượu, mời khắp các vị kỳ lão hương thôn đến dùng và thuật rõ là muốn tâu vua Tàu xin phụng Vương (ý nói đến thần sông Tô Lịch) làm Thành Hoàng. Trên dưới đều đồng lòng... Đến khi Cao Biền đắp thành Đại La, nghe đủ sự linh dị, thì lập tức sắm lễ điện tế, dâng cho hiệu là Đô Phủ Thành Hoàng Thần Quân. Đời Lý Thái Tổ lúc dời đô, thường mộng thấy một cụ đầu bạc, phảng phất trước bệ rồng... (Sau khi hỏi rõ lai lịch) nhà vua liền khiến quan Thái Chức (chức quan lo việc cầu đảo phúc lành) đưa rượu chè đến tế, phong làm Quốc Đô Thăng Long Thành Hoàng Đại Vương. Dân cư (đến) cầu đảo hay thể nguyện điều chi, thì lập tức họa phúc linh ứng ngay...

3. Các thứ hạng

Cũng theo sách *Việt Nam phong tục*, thì mỗi làng phụng sự một vị Thần hoàng; có làng thờ hai ba vị, có làng thờ năm bảy vị, gọi chung là *Phúc Thần*.

Phúc Thần có ba hạng:

- **Thượng đẳng thần** là những thần danh sơn Đại xuyên, và các bậc thiên thần như Đông thiên vương^[3], Sóc thiên vương, Sứ đồng tử^[4], Liễu Hạnh công chúa... Các vị ấy có sự tích linh dị, mà không rõ tung tích ẩn hiện thế nào, cho nên gọi là Thiên thần. Thứ nữa là các vị nhân thần như: Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo... Các vị này khi sanh tiền có đại công lao với dân với nước; lúc mất đi, hoặc bởi nhà vua tinh biểu công trạng mà lập đền thờ hoặc bởi lòng dân nhớ công đức mà thờ. Các bậc ấy đều có sự tích công trạng hiển hách và họ tên rõ ràng, lịch triều có mỹ tự bao phong làm Thượng đẳng thần.

- **Trung đẳng thần** là những vị thần ân làng thờ đã lâu, có họ tên mà không rõ công trạng; hoặc là có quan tước mà không rõ họ tên, hoặc là những thần có chút linh vị, tới khi nhà vua sai tinh kỳ đảo võ, cũng có ứng nghiệm thì triều đình cũng liệt vào tự điển, mà phong làm Trung đẳng thần.

- **Hạ đẳng thần** do dân xã thờ phụng, mà không rõ sự tích ra làm sao, nhưng cũng thuộc về bậc chính thần, thì triều đình cũng theo lòng dân mà phong cho làm Hạ đẳng thần.

Ngoài ba bậc thần ấy, còn nhiều nơi thờ bậy bạ, như: *thần bán lợn, thần trẻ con, thần ăn xin, thần chết nghẹn, thần tà dâm, thần rắn, thần rết...* Các hạng ấy gọi là tà thần, yêu thần, để tiện thần vì dân tin bậy mà thờ chớ không được vào tự điển, không có phong tặng gì...

Riêng ở đồng bằng sông Cửu Long, theo Sơn Nam thì các hạng tà thần tuyệt nhiên không có, họa chăng chỉ là vài am miếu dựng lên nơi có người chết oan ức vì tai nạn xe cộ, đắm thuyền, hùm tha sáu bắt; cúng sơ sài, không tế lễ.

4. Nơi thờ phụng

Theo nhà học giả Nguyễn Văn Tố, thì khởi đầu đình chỉ là cơ ngơi để dân làng hội họp, là nơi dành để treo những sắc lệnh và huấn dụ của nhà vua...

Để thờ phụng Thần hoàng, nhiều làng lập miếu thờ. Rồi theo lệ ngày sóc (*mùng 1*) và ngày vọng (*ngày rằm*) dân làng đến miếu để làm lễ



Vấn (theo nghĩa kính viếng). Miếu này còn gọi là "nghe", nơi gìn giữ sắc thần. Ngày tế lễ, dân làng rước sắc thần từ miếu đến đình để cử hành việc tế lễ, sau đó đưa trở về miếu.

Bàn thờ thần Thành hoàng ở Đình Mỹ Phước

Để đơn giản hóa, sau nhiều làng chỉ xây một cái đình lớn, phía ngoài làm nơi hội họp (đình), phía trong là miếu...

5. Vai trò & ý nghĩa

Như trên đã nói, thần Thành hoàng dù có hay không có họ tên, lai lịch; và dù xuất thân bất kỳ từ tầng lớp nào, thì cũng là chủ tể trên cõi thiêng của làng & đều mang tính chất chung là *hộ quốc tỳ dân* (hộ nước giúp dân) ở ngay địa phương đó. Vai trò trên của thần còn có ý nghĩa hơn nữa, nhất là đối với những cư dân từ miền ngoài vào khai khẩn vùng đất hoang Nam Bộ, vì lẽ họ đã gặp không ít khó khăn do thiên tai địch họa, do thú dữ hoành hành...Điều đó có nghĩa, thần Thành hoàng đã trở thành một biểu tượng tâm linh; bởi theo họ, chỉ có thần mới có thể giúp cho *mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt*, giúp cho cuộc sống của họ ngày một thêm ổn định, thịnh vượng.

Hiểu được nhu cầu tâm linh của người dân, cộng thêm ý muốn tạo lập một thiết chế văn hóa - tín ngưỡng chính thống của vương triều, để nhằm xóa bỏ dần tầm ảnh hưởng của các triều đại trước; nên dưới thời các vua đầu nhà Nguyễn, cứ ba năm xét ban sắc phong thần một lần. Chỉ riêng năm 1852, có lẽ đoán trước thời nguy khốn của đất nước trước thực dân Pháp, cho nên vua Tự Đức đã sai cấp đồng loạt 13.069 sắc phong cho cả nước (nhiều nhất

là ở Nam Bộ), cùng với việc "Quốc điển hóa" sự thờ phụng; cũng chính là để nhanh chóng đạt được mục đích trên.

Chú thích

- Đào Duy Anh gọi tục này là *Phản hoàng* (*Việt Nam văn hóa sử cương*. Nxb Bốn Phương, Sài Gòn, 1961, tr. 201).
- Thần Thành hoàng ở các tỉnh phía Nam, đa phần không có tượng thờ, trừ một vài đình như Đình Tân Lâm ở Biên Hòa có tượng Đô đốc Trần Thượng Xuyên, Đình Châu Phú ở Châu Đốc có tượng Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh...
- Đông Thiên vương là Trì quốc thiên (持國天, sa. dhṛtarāṣṭra) có thân trắng, tay cầm đàn, tiếng đàn sẽ làm tâm thức con người trở nên thanh tịnh.
- Chưa tra được. Không biết Phan Kế Bính có phải muốn nói đến Chử Đồng Tử hay không.

Tài liệu tham khảo

- Sơn Nam, *Đình miếu & lễ hội dân gian*, Nxb TP. HCM, 1992.
- Sơn Nam, *Thuần phong mỹ tục Việt Nam* (sách in chung), Nxb Trẻ, 2005.
- Phan Kế Bính, *Việt Nam phong tục*, Nxb TP. HCM in lại năm 1990.
- Kiến thức phục vụ thuyết minh du lịch* (giáo trình cho ngành du lịch, sách do nhiều người soạn), Nxb TP. HCM, 1995.
- Nguyễn Đăng Duy, *Văn hóa tâm linh Nam Bộ*, Nxb Hà Nội, 1997.
- Hành hương đất phương Nam*, Huỳnh Ngọc Trảng chủ biên, Nxb TP. HCM, 2002.
- Võ Thành Phương, *Thờ Thần Hoàng - biểu tượng tâm linh của nông dân An Giang*, tạp chí Thất Sơn số 57, 2000.
- Lý Tế Xuyên, *Việt điện u linh*, Ngọc Hồ dịch, Nxb Cửu Long, 1992.

Bùi Thụy Đào Nguyên, giới thiệu

(*Hội VHNT tỉnh An Giang, chuyên ngành Văn-Sử*)